

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỶ NẠI DA

QUYỂN 8

Học Xứ Thứ Ba: Y MỘT THÁNG

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô chứa nhiều y, thọ được vải màu xanh không may y liền mà đem cất, lại mong được thêm thứ vải khác, nghĩ rằng nếu thọ được vải tương tự như vậy sẽ may thành y. Vải màu xanh đã nghĩ như vậy, cho đến được vải màu vàng, màu đỏ, màu trắng hoặc vải mỏng, vải dày... đều đem cất và nghĩ như vậy. Các Bí-sô thiếu dục trông thấy liền chê trách: “Tại sao Bí-sô lại chứa cất nhiều thứ vải không chịu may thành y”. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô... cho đến Phật bảo các Bí-sô: “Ta quán thấy mười công đức lợi, nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni may y đã xong, y Yết-sỉ-na lại xuất, được y phi thời cần thì thọ, thọ rồi phải mau may thành y. Nếu có chỗ hy vọng sẽ cúng cho đủ thì được cất chứa trong vòng một tháng, nếu chứa quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca”.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni chúng trong pháp này.

May y đã xong, y Yết-sỉ-na lại xuất: Có bốn câu giống như giới trên. Được y phi thời: sao gọi là thời, sao gọi là phi thời? Thời là trú xứ nào không thọ y Yết-sỉ-na thì trong vòng một tháng từ ngày mười sáu tháng tám đến ngày mười lăm tháng chín; nếu trú xứ nào có thọ y Yết-sỉ-na thì trong vòng năm tháng, từ ngày mười sáu tháng tám đến ngày mười lăm tháng giêng. Ngoài thời gian nói trên gọi là phi thời. Nếu có chỗ hy vọng sẽ cúng: Nghĩa là thiếu vải chờ xin cho đủ nên được cất chứa trong vòng một tháng, hy vọng cha mẹ, anh em, chị em, sư chủ... sẽ cúng thêm vải; hoặc vào ngày hội năm năm, ngày hội sáu năm, ngày hội thăng chức, ngày hội mãn năm ta sẽ được cúng vải, nếu đủ may thành y thì tốt. Nếu trong ba y có một y không đủ thì được chứa trong

vòng một tháng, quá thời gian một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tung:

*Chỗ hy vọng hay không
Hết mong, vải không đồng,
Mới cũ, phần tảo khác,
Điều số lượng khuỷu tay.*

Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất trong tháng được vải màu xanh đem cất chưa may, vì có chỗ hy vọng cho thêm, nghĩ rằng nếu được cúng thêm vải cùng màu ta sẽ may thành y. Ngay trong ngày nhận được vải cùng màu, Bí-sô ni phải may thành y trong vòng mười ngày nên trì, nên xả, nên tác pháp. Nếu không trì, không xả, không tác pháp đến ngày thứ mười một, mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Bí-sô ni ngày thứ nhất không được vải nào khác, ngày thứ hai, thứ ba cho đến ngày thứ mười đều được vải thì Bí-sô ni phải may thành y trong vòng mười ngày đó nên trì, nên xả, nên tác pháp. Nếu không trì, không xả, không tác pháp, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Bí-sô ni trong mười ngày không được vải nào khác, ngày thứ mười một, thứ mười hai cho đến ngày thứ mười chín cũng đều không được vải, đến ngày thứ hai mươi mới được vải thì nên như trước tác pháp, nếu không tác pháp phạm Xả-đọa.

Bí-sô ni trong hai mươi một ngày không được vải đến ngày thứ hai mươi chín mới được thì nội trong ngày thứ ba mươi liền phải may thành y, nên trì, nên xả, nên tác pháp. Nếu không trì, không xả không tác pháp đến ngày thứ ba mươi một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Do thời gian trước được y, tướng nhiễm nối tiếp nhau. Được vải màu xanh đã như vậy, được các loại vải màu khác cũng như vậy.

Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất được vải màu xanh đem cất chưa may thành y vì có chỗ hy vọng cúng thêm cho đủ, nghĩ rằng nếu được thêm vải cùng màu ta sẽ may thành y. Ngay ngày được vải cùng màu, Bí-sô ni phải may thành y trong vòng mười ngày nên trì, nên xả, nên tác pháp, Nếu không tác pháp đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Nếu ngày thứ nhất không được vải nào khác, ngày thứ hai được cho đến ngày thứ ba mươi đều được... giống như văn trên. Được vải màu xanh đã như vậy, được các loại vải khác cũng như vậy.

Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất được vải màu xanh không may đem

cất vì hy vọng có người cúng thêm, nhưng do thời gian lâu xa không xứng với lòng mong muốn, không biết làm sao; hoặc ngay ngày được vải màu xanh liền may thành y trong vòng mười ngày... giống như văn trên đã nói, cho đến ngày thứ ba mươi mới được các loại vải khác cũng giống như trong đoạn văn trên.

Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất được vải màu xanh không may đem cất vì có chỗ hy vọng cúng thêm, nhưng chỗ hy vọng kia tuy chưa được y, tâm cầu chưa dứt; hoặc ngay ngày được vải màu xanh liền may thành y... như đoạn văn trên. Nếu ngày thứ nhất được vải màu xanh không may đem cất vì có chỗ hy vọng, nhưng chỗ hy vọng bị đoạn tuyệt. Vải mà Bí-sô ni đã được nội trong mười ngày nên trì, nên xả như trong đoạn văn trên.

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: “Thế Tôn có bao nhiêu loại y?”, Phật nói: “Có hai loại y: Một là loại mới, hai là loại cũ. Mới tức là mới may, cũ tức là đã trải qua bốn tháng thọ dụng. Nay Ưu-ba-ly, lại có năm loại y: Một là y có thí chủ, hai là y không có thí chủ, ba là y vãng hoàn, bốn là y của người chết, năm là y phẩn tảo. Sao gọi là y có thí chủ?: Tức là có nam, nữ, bán trạch ca làm thí chủ cúng y. Sao gọi là y không có thí chủ? Tức là không có nam, nữ, bán trạch ca làm thí chủ cúng y. Sao gọi là y vãng hoàn? Như có người chết, quyến thuộc nhớ thương dùng y phủ lên người chết rồi khiêng đến chỗ hỏa thiêu, khi thiêu lấy lại chiếc y ấy đem cúng cho tăng. Sao gọi là y của người chết? Tức là ở trong rừng cây chết, y của người chết không có sở hữu chủ. Sao gọi là y phẩn tảo? Có tất cả năm loại: Một là y bỏ trên đường đi, hai là y bỏ nơi chỗ đổ rác, ba là y bỏ nơi bờ sông, bốn là y bị kiến nhấm, năm là y rách nát. Lại có năm loại y: Một là y bị lửa cháy, hai là y bị nước ngâm, ba là y bị chuột gặm, bốn là y bị bò nhới, năm là y của bà mẹ sanh con xong rồi bỏ.

Bí-sô ni nhận được vải mới muốn may y nên giặt nhuộm cất may thành y Tăng-già-chi hai lớp, Ni sư đàn hai lớp, Ót-đát-la-tăng-già một lớp, An-đát-bà-ta một lớp. Nếu Bí-sô ni may y Tăng-già-chi hai lớp rồi may thêm lớp thứ ba, khi vừa thiếp vào liền phạm Ác-tác, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Bí-sô ni đối với y Tăng-già-chi mới xé bỏ lớp bọc cũ định dùng vào việc khác, khi vừa xé liền phạm Ác-tác, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Bí-sô ni đối với y Tăng-già-chi mới xé bỏ lớp bọc cũ ra để giặt nhuộm rồi may khâu trở lại thì không phạm. Đến ngày thứ mười một mặt trời mọc nếu may khâu chưa xong thì phạm Xả-đọa. Tăng-già-chi đã như

vậy thì ni sư đàn, ... cũng như vậy. Nếu Bí-sô ni có y Ôt-đát-la-tăng-già mới may thêm lớp thứ hai, khi vừa thiếp vào liền phạm Ác-tác, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Y-An-đát-bà-ta cũng như vậy.

Nếu Bí-sô ni được vải cũ muốn may y nên giặt nhuộm cắt may thành y Tăng-già-chi bốn lớp, Ni sư đàn bốn lớp, Ôt-đát-la-tăng-già và An-đát-bà-ta hai lớp. Nếu Bí-sô ni đối với y Ôt-đát-la-tăng-già và An-đát-bà-ta hai lớp muốn may thêm lớp thứ ba, khi vừa thiếp vào liền phạm Ác-tác; đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Bí-sô ni đối với y nhiều lớp muốn xé bỏ, khâu may hay không khâu may, có phạm hay không phạm đều giống như trong đoạn văn trên đã nói. Bí-sô ni được y có thí chủ, y không thí chủ... chuẩn theo y mới và cũ nên biết. Nếu là y phẩn tảo thì may mấy lớp tùy ý, không có hạn định”.

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: “Thế Tôn, Tăng-già-chi có mấy loại, điều số thế nào?”, Phật nói: “Có chín loại đó là y chín điều, mười một điều, mười ba điều, mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều, hai mươi một điều, hai mươi ba điều và hai mươi năm điều. Nay Ưu-ba-ly, ba loại y thứ nhất có hai đàn cách dài một đàn cách ngắn; ba loại y kế Có ba đàn cách dài một đàn cách ngắn; ba loại y sau cùng có bốn đàn cách dài một đàn cách ngắn nên may nên thọ trì, quá điều lượng này thành phá nạp”. Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: “Thế Tôn, y lớn y nhỏ có bao nhiêu thứ?”. Phật nói: “ y Tăng-già-chi Có ba bậc thượng trung và hạ, bậc thượng bề đứng ba khuỷu tay, bề ngang năm khuỷu tay; bậc hạ bề đứng hai khuỷu tay rưỡi, bề ngang bốn khuỷu tay rưỡi; ở giữa hai bậc trên là bậc trung. Ôt-đát-la-tăng-già và An-đát-bà-ta cũng Có ba bậc thượng trung hạ như Tăng-già-chi. Nay Ưu-ba-ly có hai loại An-đát-bà-ta: Một là bề đứng hai khuỷu tay, bề ngang năm khuỷu tay; hai là bề đứng hai khuỷu tay, bề ngang bốn khuỷu tay. Y An-đát-bà-ta bậc thấp nhất chỉ trùm ba luân là nhỏ nhất trong số y thọ trì. Y phạm Ni-tát-kỳ nhỏ nhất chỉ bằng ngang dọc một khuỷu tay. Nếu Bí-sô ni phạm Xả-đọa nên làm ba việc như trên đã nói. Đây chỉ là lược nói pháp thức của ba y.”

Học Xứ Thứ Tư: GIẶT Y CŨ CHO BÍ SÔ KHÔNG PHẢI BÀ CON

Lúc Bồ tát từ cung trời Đổ-sử giáng sanh vào cung vua Tịnh-phạn ở thành Kiếp-tỷ-la, tiếng đồn vang khắp bốn phương: Dòng họ Thích Ca hạ sanh Thái-tử ở cạnh núi Tuyết bên dòng sông Diêm của thành

Kiếp-tỷ-la, chỗ tiên nhơn ở. Cách đó không xa có tiên nhơn tên A-lan-nhã Tư Đà giỏi về tướng số và bói toán nên nhà vua liền triệu đến để xem tướng cho Thái-tử. Tướng số A-tư-đà đoán rằng: “Nếu Thái-tử ở nhà thì làm vua Chuyển luân cai trị giáo hóa bốn thiên hạ, là một vị đại thánh chủ có bảy báu đầy đủ đó là luân báu, tượng báu, mã báu, ngọc báu, nữ báu, chủ tàng thần báu, chủ binh thần báu với ngàn người con có oai lực lớn, dũng kiện không ai hơn, có thể hàng phục oán địch. Trên đại địa, trên khắp bốn biển đều không có đạo tặc cũng không có hình phạt nặng, chỉ dùng pháp lý cai trị làm cho mọi người được sống an ổn. Nếu Thái-tử xuất gia cạo bỏ râu tóc, do tâm chánh tín từ nhà đến chỗ không nhà sẽ được thành Phật, Ứng chánh biến tri, tiếng đồn vang khắp mười phương, giáo hóa cứu độ muôn loài”. Lúc đó vua của các nước lân bang nghe tin Thái-tử sanh ở Tuyết sơn... giáo hóa cứu độ muôn loài, liền suy nghĩ: “Nay ta nên đến thừa sự Thái-tử, sau này sẽ thọ phước lộc của người”, lại nghĩ: “Nay ta không có duyên trông thấy Thái-tử, ta nên thừa sự vua Tịnh-phạn cũng tức là thừa sự Thái-tử”. Các vua lân bang suy nghĩ như vậy rồi liền sai sứ thần mang quốc tín đến chỗ vua Tịnh-phạn. Bồ tát ở trong thâm cung dần dần trưởng thành, do thấy cảnh già bệnh chết nên trong lòng sầu não, buông bỏ việc đời vào ở trong rừng. Các vua lân bang nghe biết liền suy nghĩ: “Lâu nay ta phụng sự vua Tịnh-phạn là vì Thái-tử, nay Thái-tử đã vào ở trong rừng mong cầu xuất ly, ta cần gì uống công phí sức phụng sự nữa”. Do nghĩ như vậy nên các vua lân bang không sai sứ thần mang quốc tín đến nữa. Trong các vua nước lân bang chỉ còn có vua Thắng-quang tuy chấm dứt quốc tín nhưng sứ thần hai nước vẫn còn qua lại. Sứ thần của vua Thắng-quang là Đại thần Mật-hộ, sứ thần của vua Tịnh-phạn là Đại thần Ô-đà-di. Khi đại thần Mật-hộ đến chỗ vua Tịnh-phạn luận bàn việc nước xong thì đến nhà của đại thần Ô-đà-di nghỉ, ngược lại khi đại thần Ô-đà-di đến chỗ vua Thắng-quang luận bàn việc nước xong thì đến nhà của đại thần Mật-hộ nghỉ. Vợ của đại thần Mật-hộ tên là Cấp-đa nhan sắc đoan nghiêm, ai nhìn cũng yêu mến, do thường lui tới nhà của đại thần Mật-hộ nên đại thần Ô-đà-di tư thông với Cấp-đa. Khi đại thần Mật-hộ nghe biết Cấp-đa cùng Ô-đà-di tư thông liền muốn giết hai kẻ xấu xa này, nhưng lại nghĩ: “Nếu ta giết đại thần của nước lân bang sẽ làm loạn vương thành tạo nên sự kinh hoàng sợ hãi, tại sao vì người vợ tội lỗi của mình mà lại giết một Bà-la-môn”, do nghĩ như vậy nên giả lơ không hay biết. Thời gian sau Mật-hộ qua đời, vua Thắng-quang lấy cơ Mật-hộ không có con kế thừa nên tịch thu gia sản. Lúc đó Ô-đà-di nghe

biết việc này liền suy nghĩ: “Ta còn sống đây làm sao nỡ để cho Cấp-đa không có chỗ nương nhờ”, do nghĩ như vậy nên sáng hôm sau liền vào cung tâu vua Tịnh-phạn: “Đại vương, trong nước của vua Thắng-quang có việc bất ổn, đại vương nên sai sứ thần đến đó tham hỏi, nếu không sẽ chiêu lấy họa bại”. Vua Tịnh-phạn liền sai Ô-đà-di làm sứ thần đến thành Thất-la-phiệt thăm hỏi vua Thắng-quang, khi đến nơi Ô-đà-di suy nghĩ: “Ta nên yết kiến nhà vua trước hay gặp đại thần trước”, lại nghĩ: “Theo phép cầu việc phải đi từ dưới lên, ta nên đến chỗ đại thần trước”. Nghĩ rồi liền đến chỗ đại thần nói rằng: “Tôi muốn nhờ quan tâu giúp với nhà vua cho tôi được lấy Cấp-đa”, vị Đại thần nghe rồi liền nhận lời tâu giúp. Sau đó Ô-đà-di liền đến chỗ vua Thắng-quang bàn việc nước xong liền tâu vua: “Rất mong đại vương ban cho tôi chỗ nghỉ”, vua hỏi: “Trước đây khanh từng dừng nghỉ ở đâu?”, Ô-đà-di đáp: “Trước đây tôi từng nghỉ ở nhà của đại thần Mật-hộ”, vua nói: “Vậy nay khanh nên đến đó nghỉ”, Ô-đà-di nói: “Đại thần Mật-hộ nay đã qua đời rồi”, vua nói: “Chủ nhà tuy đã chết nhưng căn nhà đâu có chết”, Ô-đà-di liền tâu vua: “Đại vương, căn nhà tuy không chết nhưng sản nghiệp không còn”. Vua Thắng-quang liền ra lệnh Đại thần tìm chỗ dừng nghỉ cho Ô-đà-di, sau khi Ô-đà-di ra khỏi cung Đại thần liền tâu vua: “Đại vương, không phải Ô-đà-di không có chỗ dừng nghỉ, vì trước đây ông ta đã cùng với Cấp-đa tư thông, nên bốn ý của ông ta muốn vua chấp thuận cho ông ta được lấy Cấp-đa. Nếu Đại vương nhiếp thọ được người này tức là nhiếp thọ được vua Tịnh-phạn”. Vua Thắng-quang nghe rồi liền triệu Ô-đà-di đến nói rằng: “Này Ô-đà-di, thật sự ta không biết khanh với Cấp-đa trước đây có giao tình, nay ta ban Cấp-đa cho khanh làm vợ, tài vật và nhà cửa đều cấp cho hai khanh”. Ô-đà-di nghe rồi vui mừng bái tạ rồi lui ra, sau đó đến nhà của Cấp-đa, Cấp-đa ra đón rồi khóc, Ô-đà-di hỏi vì sao khóc, Cấp-đa nói: “Phu chủ của em nay đã qua đời, chẳng phải anh cũng sẽ bỏ em nữa hay sao”. Ô-đà-di nói: “Chính vì việc này nên ta mới đến đây, ta đã tâu với vua xin được cưới em làm vợ, tài vật và nhà cửa vua đều cấp cho, em muốn ở lại đây hay muốn qua thành Kiếp-tỷ-la?”. Cấp-đa suy nghĩ: “Nếu ta cùng qua thành Kiếp-tỷ-la thì vợ của Bà-la-môn này sẽ không để ta yên, ta nên ở lại đây tại ngôi nhà cũ của mình”. Vì thế Ô-đà-di có hai nhà ở hai nơi, một ở thành Kiếp-tỷ-la, một ở thành Thất-la-phiệt.

Lúc đó Bồ tát trong sáu năm tu khổ hạnh ở rừng già không có một vật gì là sở hữu, sau sáu năm Ngài mới bắt đầu ăn uống trở lại, trước tiên là ở làng Thắng Quân tại chỗ ở của hai mục ngư nữ, một tên là

Hoan-hỉ, một tên là Hỷ-lực, thọ nhận món cháo nấu nhừ với mười sáu loại sữa để phục hồi sức khỏe; sau đó đến chỗ nam tử Thiện-hạnh lấy cỏ cát tường rồi đến dưới cây Bồ đề trải cỏ ngồi kiết già thệ nguyện rằng: “Nếu ta chưa đoạn hết lậu hoặc, ta thề không đứng dậy”. Bồ tát đã đoạn hết lậu hoặc trong khi thiền quán nên Hắc long vương hết sức khen ngợi. Sau khi hàng phục ba mươi sáu ức ma quân chứng Nhất thiết trí thành Phật, Thế Tôn liền nhận lời thỉnh của Phạm vương đến thành Ba-la-nê-tư ba lần chuyển pháp luân mười hai hành để độ năm Bí-sô. Độ năm Bí-sô rồi lại đến trong rừng Bạch điệp độ sáu mươi Hiền bộ chứng được Kiến đế, kể trở lại trong làng Thắng quân độ hai mục nữ khiến họ cũng chứng được Kiến đế. Sau đó đến bên rừng Ô-lư-tần-loa để độ một ngàn ngoại đạo cho họ xuất gia thọ cụ giới, kể lên đỉnh núi Già-da hiện ba thần biến giáo hóa khiến hàng Bồ tát, chư thiên trụ nơi Niết-bàn an ổn. Sau đó đến Trượng lâm độ vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà chứng được Kiến đế, đồng thời độ cho trăm ngàn thiên chúng và trăm ngàn Bà-la-môn nước Ma-kiệt-đà. Kế đến thành Vương-xá nhận tinh xá Trúc-lâm và độ cho Thân Tử, Mục-liên xuất gia rồi đến thành Thất-la-phiệt thọ nhận vườn Cấp-cô-độc ở rừng Thệ-đa, nói kinh Thiểu niên cho vua Thắng-quang khiến vua chứng được Kiến đế. Cuối cùng Thế Tôn trụ ở trong rừng Thệ-đa, vua Thắng-quang liền sai người đến thành Kiếp-tỷ-la báo tin cho vua Tịnh-phạn biết hiện Thái-tử đang ở trong rừng Thệ-đa, đã chứng quả Vô thượng chánh giác và khiến cho các loài hữu tình đồng hưởng vị cam lồ.

Vua Tịnh-phạn nghe rồi ngồi chống tay vào má than rằng: “Xưa kia khi Thái-tử Nhất-thế-nghĩa-thành tu khổ hạnh, ta thường sai sứ đến thăm hỏi, những sứ giả đã đi đều không thấy trở về, nay sao lại có tin nói là Thái-tử hiện ở trong rừng Thệ-đa”. Vừa lúc đó đại thần Ô-đà-di vào cung thấy nhà vua như vậy liền hỏi: “Vì sao Đại vương lại ngồi chống tay vào má thở than ưu sầu như vậy?”. Vua nói: “Làm sao ta không ưu sầu, trước kia khi Thái-tử Nhất-thế-nghĩa-thành tu khổ hạnh, Ta thường sai sứ đến thăm hỏi, những sứ giả ra đi đều không thấy trở về. Nay ta bỗng được tin nói là Thái-tử hiện đang ở trong rừng Thệ-đa, đã chứng được Vô thượng chánh giác và khiến cho các loài hữu tình đồng hưởng vị cam lồ”. Ô-đà-di liền tâu vua: “Nếu như vậy, thần xin làm sứ đến đó rồi mang tin trở về cho Đại vương”. Vua nói: “Khanh nên đi rồi về báo lại, đừng có ở luôn bên đó”. Nói rồi vua tự tay viết thư cho Thái-tử:

*“Từ thọ thai về sau,
Tôi nuôi dưỡng Thế Tôn,*

*Lửa phiền não thường đốt,
Thường mong cây Tối thắng,
Nay đã lớn khôn rồi,
Đồ chúng số vô biên,
Mọi người được an lạc,
Chỉ riêng tôi đắng cay”.*

Viết xong đóng ấn rồi đưa cho Ô-đà-di, Ô-đà-di mang thư của Vua đến chỗ Thế Tôn ngự ở thành Thất-la-phiệt dâng lên, Thế Tôn nhận thư rồi mở ra xem, Ô-đà-di hỏi: “Thế Tôn có trở về thành Kiếp-tỷ-la không?”, Thế Tôn nói: “Ta đi cùng với ông”. Ô-đà-di nhớ lại ngày xưa khi Thái-tử vượt thành xuất gia, phụ vương thường triệu về mà không chịu về nên bạch Phật rằng: “Nếu Thái-tử không chịu về, tôi có sức sẽ đưa Ngài về”. Thế Tôn nghe rồi liền nói kệ:

*“Lưới ái sanh tử nếu trừ hết,
Người này chẳng cần ai dẫn đường.
Thế Tôn oai lực không cùng tận,
Ông phương tiện gì dẫn đi được.
Lưới ái sanh tử nếu trừ hết,
Người này chẳng cần ai dẫn đường.
Cảnh giới Thế Tôn không xứ sở,
Ông phương tiện gì dẫn đi được”.*

Ô-đà-di nghe Phật nói kệ rồi liền đánh lễ Phật bạch rằng: “Thế Tôn, tôi muốn trở về vương thành tâu cho phụ vương của Ngài biết”. Phật nói: “Làm sứ giả cho Phật theo lý thì không phải như vậy”, Ô-đà-di hỏi: “Làm sứ giả cho Phật phải như thế nào?”, Phật nói: “Tất cả người xuất gia mới là sứ giả của Phật”. Ô-đà-di nói: “Vậy tôi muốn xuất gia, nhưng vì đã hứa với Đại vương nên phải về báo lại, bây giờ tôi phải đi”. Phật nói: “Đợi khi về xuất gia rồi hãy về báo tin”, Ô-đà-di nói: “Lành thay, vậy con xin xuất gia”. Phật bảo tôn giả Xá-lợi-tử xuất gia cho Ô-đà-di để Ô-đà-di được lợi ích trong đêm dài sanh tử. Cụ thọ Xá-lợi-tử vâng lời Phật dạy cho Ô-đà-di xuất gia và cho thọ viên cụ, những hành pháp của một Bí-sô đều lược nói cho Ô-đà-di biết. Ô-đà-di thọ giáo giới xong kính lễ Xá-lợi-tử rồi đến chỗ Phật đánh lễ bạch rằng: “Thế Tôn, con nay đã xuất gia”. Phật nói: “Bây giờ thầy có thể trở về báo lại cho phụ vương của ta biết, nhưng chớ có đường đột bước vào trong cung, nên đứng ở ngoài cửa báo là có Bí-sô Thích Ca đang đứng ở ngoài cửa, đợi gọi mới vào. Nếu người kia hỏi có Bí-sô Thích Ca khác nữa không, thì nên đáp là có; nếu hỏi Thái-tử Nhất-thế-nghĩa-thành cũng có hình

dạng như vậy phải không, thì nên đáp là cùng một hình dạng như vậy. Thầy cũng không nên ngủ đêm ở trong cung, nếu hỏi Thái-tử Nhất-thế-nghĩa-thành có ngủ đêm trong cung không, thì nên đáp là không có; nếu hỏi các Bí-sô ngủ ở đâu, thì nên đáp là ngủ ở nơi A-lan-nhã hoặc ở tại Tỳ ha la; nếu hỏi Thái-tử Nhất-thế-nghĩa-thành có muốn đến đây không, thì nên đáp là muốn đến; nếu hỏi chừng nào đến, thì nên đáp là bảy ngày sau sẽ đến”. Ô-đà-di nghe nhớ kỹ rồi đánh lễ Phật ra đi, Phật dùng thần lực yểm trợ khiến cho Ô-đà-di chỉ trong chớp nhoáng đã đến thành Kiếp-tỷ-la, đứng ở ngoài cửa cung báo với người đứng gác rằng: “Hãy vào bạch vua là có Bí-sô Thích Ca đang đứng ở ngoài cửa”, người gác cửa hỏi: “Có các Bí-sô Thích Ca khác nữa hay không?”, đáp có. Người gác cửa liền vào trong cung tâu vua: “Đại vương, Bí-sô Thích Ca đã đến hiện đang đứng ở ngoài cửa”, Vua nói: “Hãy cho vào để Ta xem thử hình dạng của Bí-sô Thích Ca như thế nào”. Người gác cửa liền dẫn vào, Vua vừa nhìn liền nhận ra ngay là Ô-đà-di nên hỏi: “Ô-đà-di, khanh đã xuất gia rồi sao?”, đáp: “Đại vương, tôi đã xuất gia”, Vua hỏi: “Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành cũng có hình dạng như vậy hay sao?”, đáp: “Đại vương, hình dạng cũng giống như thế”. Vua Tịnh-phạn vừa nghe lời này, do ân tình quá nặng từ nhiều kiếp đến nay nên ngã xuống ngất xỉu, phải dùng nước lạnh rưới hồi lâu mới tỉnh lại. Sau khi được đỡ dậy ngồi lên chỗ ngồi rồi vua liền hỏi Ô-đà-di: “Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành có muốn đến đây không?”, đáp: “Muốn đến”, Vua hỏi: “Khi nào sẽ đến?”, đáp: “Bảy ngày sau sẽ đến”. Vua nghe nói rồi liền ra lệnh cho các quan: “Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành qua bảy ngày sau sẽ trở về chốn cũ, các khanh nên tu sửa thành quách và trang nghiêm đường xá, trong cung cũng phải quét dọn sạch sẽ”. Ô-đà-di liền nói: “Đại vương, Thế Tôn không ngủ đêm ở trong cung”, Vua hỏi: “Thế thì ngủ ở đâu?”, đáp: “Hoặc ở A-lan-nhã hoặc ở Tỳ-ha-la”. Vua liền ra lệnh cho các quan: “Các khanh nên đến nơi A-lan-nhã rừng Khuất Lộ Đà xây cất một trú xứ có mười sáu đại viện, mỗi đại viện có sáu mươi phòng giống như ở rừng Thệ-đa”. Các quan phụng mệnh làm đúng như lời vua đã ban, hàng nhơn thiên thù thắng cũng phát tâm vào công việc này, do ý niệm tương ứng với định lực nên mọi việc đều thành tựu. Tất cả các nẻo đường trong thành đều được quét dọn sạch sẽ, được rưới bằng nước thơm Chiên đàn nên khắp nơi đều có hương thơm thù diệu, khắp nơi cũng đều treo cờ phướng tạo nên một không gian rất vui tươi dễ chịu, giống như vườn Hoan-hỉ của trời Đê-thích. Trong lòng tất cả mọi người đều khát ngưỡng muốn gặp lại Thế Tôn.

Lúc đó Thế Tôn ở rừng Thệ-đa bảo cụ thọ Mục-kiền-liên thông báo cho các Bí-sô biết Như Lai muốn đến thành Kiếp-tỷ-la, các cụ thọ muốn nhìn thấy cảnh cha con gặp nhau thì hãy mang y bát đến tháp tùng. Mục-kiền-liên vâng lời đi thông báo, các Bí-sô nghe rồi liền mang y bát đến tháp tùng với Thế Tôn đi đến thành Kiếp-tỷ-la. Do Thế Tôn đã tự điều phục nên những người tự điều phục vây quanh, Thế Tôn tự tịch tĩnh nên những người tịch tĩnh vây quanh, Thế Tôn đã giải thoát nên những người giải thoát vây quanh, Thế Tôn đã an ổn nên những người đã an ổn vây quanh, Thế Tôn đã thuần thiện nên những người thuần thiện vây quanh, Thế Tôn đã lia dục nên những người đã lia dục vây quanh, Thế Tôn đã chứng quả A-la-hán nên các A-la-hán vây quanh, Thế Tôn đã đoan nghiêm nên những người đoan nghiêm vây quanh. Thế Tôn như rừng Chiên đàn nên rừng Chiên đàn vây quanh, Thế Tôn như voi chúa nên bầy voi vây quanh, Thế Tôn như sư tử vương nên bầy sư tử vây quanh, Thế Tôn như đại ngư vương nên bầy ngư vây quanh, Thế Tôn như Nga vương nên bầy Nga vây quanh, Thế Tôn như điệu Sí điệu vương nên bầy sí điệu vây quanh. Thế Tôn như Bà-la-môn nên các học đồ vây quanh, như đại y vương nên các bệnh nhơn vây quanh, như Đại tướng quân nên binh chúng vây quanh, như người dẫn đường nên những người đi đường vây quanh, như thương chủ nên các thương khách vây quanh, như Đại trưởng giả nên chúng nhơn vây quanh, như quốc vương nên các đại thần vây quanh. Thế Tôn như trăng sáng nên các tinh tú vây quanh, như nhật luân nên các thiên quang vây quanh, như Trì Quốc thiên vương nên chúng Càn Thát Bà vây quanh, như Tăng Trưởng thiên vương nên chúng Cửu-bàn-trà vây quanh, như Xú-mục thiên vương nên Long chúng vây quanh, như Đa-văn thiên vương nên chúng Dực-xoa vây quanh, như Tịnh-diệu-vương nên chúng A-tô-la vây quanh, như Đế-thích nên chư thiên cõi trời Tam thập tam vây quanh, như Phạm thiên vương nên Phạm chúng vây quanh. Như Đại hải trầm lắng an trụ, như mây lớn tầng tầng lớp lớp giăng phủ, như Tượng vương dứt cơn say cuồng. Thế Tôn đã điều phục các căn, oai nghi tịch tĩnh, trang nghiêm thân bằng ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp với một vầng hào quang tròn rộng một tầm, sáng hơn ánh sáng của một ngàn mặt trời, bước đi an tường như núi báu di động, mười Lực, bốn Vô sở úy, Đại bi, Tam niệm trụ, vô lượng công đức thấy đều viên mãn. Các đại Thanh văn như tôn giả A-nhã-kiều-trần-như, tôn giả Cao-thắng, tôn giả Bà-sất-ba, tôn giả Đại-danh, tôn giả Vô-diệt, tôn giả Xá-lợi-tử, tôn giả Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp-ba, tôn giả Danh-xưng... và đại chúng

cùng đến thành Kiếp-tỷ-la, tuần tự đến bờ sông Lư-hí-đà, lúc đó các Bí-sô hoặc rửa tay chân, hoặc súc miệng hoặc lọc nước hoặc tắm giặt... Dân chúng trong thành Kiếp-tỷ-la nghe tin Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành sắp về đến đều rất vui mừng, tranh nhau kéo tới rừng Khuất-lộ-đà. Lúc đó vua Tịnh-phạn cũng cho trải tòa trang hoàng trên khoảng đất rộng để đón Thái-tử, hàng vạn người đều vân tập đến đây đều sanh tâm Hoan-hỉ suy nghĩ không biết cha lẽ con hay con lẽ cha. Lúc đó Thế Tôn cũng suy nghĩ: “Nếu Ta đi bộ vào thành, những người trong dòng họ Thích Ca sẽ khởi tâm coi thường, sanh lòng bất tín cho rằng Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành có mất mát lớn, vì khi ra đi có trăm ngàn thiên chúng tùy tùng trên không trung ở thành Kiếp-tỷ-la, nay chứng được Diệu trí vô thượng trở về lại đi bộ vào thành. Muốn cho họ không có tâm khinh mạn ta phải dùng thần biến để vào thành Kiếp-tỷ-la”. Thế Tôn liền tùy theo tâm sở niệm nhập tam ma địa, nhập định rồi nơi tòa không hiện, cùng các Bí-sô vụt lên hư không. Lúc đó Thế Tôn như mặt trăng tròn có các Bí-sô vây quanh, như Nga vương đuổi cánh, trong bốn oai nghi đều hiện thần biến. Thế Tôn nhập định Hỏa quang trước tiên từ phương Đông hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; hoặc hiện biến thân thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy. Sau đó Thế Tôn thu hồi thần biến rồi ở trên hư không cao bảy cây Đa la, các Bí-sô cao sáu cây; Phật cao sáu cây, các Bí-sô cao năm cây; Phật cao năm cây, các Bí-sô cao bốn cây; Phật cao bốn cây, các Bí-sô cao ba cây; Phật cao ba cây, các Bí-sô cao hai cây; Phật cao hai cây, các Bí-sô cao một cây; Phật cao một cây, các Bí-sô ở trên mặt đất. Thế Tôn đi ở trên hư không cách đất cao hơn mọi người cùng với vô lượng trăm ngàn câu chi đại chúng Thiên nhơn vây quanh vào trong thành Kiếp-tỷ-la. Vua Tịnh-phạn vừa thấy Phật liền đánh lễ Phật và nói kệ:

*“Phật mới sanh đại địa chấn động,
Bóng cây Thiệm-bộ chẳng lìa thân.
Nay lần thứ ba lễ bậc Viên trí,
Hàng phục ma oán thành Chánh giác”.*

Lúc đó những người trong dòng họ Thích Ca thấy vua Tịnh-phạn đánh lễ Phật sanh lòng bất nhẫn nói lớn: “Vì sao tôn phụ lại đánh lễ con mình”. Vua Tịnh-phạn nghe rồi liền bảo các Thích chủng: “Các người không nên nói như thế, chính ngày Bồ tát mới sanh, đại địa chấn động, đã phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp thế gian, ánh sáng chiếu

soi vượt qua cõi trời Tam thập tam. Các chốn tối tăm trong thế giới mà ánh sáng của mặt trời mặt trăng không thể chiếu soi đến, đều nhờ ánh sáng này mà chúng hữu tình ở đó được nhìn thấy nhau. Do ta thấy được việc hy hữu này nên ta liền đánh lễ Phật, đây là lần thứ nhất. Khi Bồ tát đến đồng ruộng xem các sản nghiệp đã ở dưới bóng cây Thiệm-bộ ngồi kiết già xa lìa pháp ác bất thiện của cõi dục, có tầm từ được định Hỷ lạc nhập Sơ tĩnh lự. Quá Ngọ mặt trời về chiều, bao nhiêu bóng cây khác đều ngã về Đông, chỉ có bóng cây Thiệm-bộ chỗ Bồ tát ngồi vẫn đứng yên để che thân cho Bồ tát. Do ta thấy việc hy hữu này nên ta liền đánh lễ Phật, đây là lần thứ hai. Và hôm nay là lần thứ ba ta đánh lễ Phật”. Khi Thế Tôn bước tới tòa ngồi ngồi xuống rồi, vua Tịnh-phạn lại bước tới đánh lễ Phật rồi ngồi qua một bên, đây là lần thứ tư vua đánh lễ Phật. Lúc đó các Thích chủng ở trong rừng Khuất-lộ-đà đã sắp đặt xong thangka tòa và các vật phẩm cúng dường thượng hảo chờ đợi Thế Tôn và chúng Bí-sô đến. Khi Thế Tôn cùng đại chúng đến nơi, Phật ngồi lên thangka tòa thì vua Tịnh-phạn liền dâng các phẩm vật thượng diệu lên cúng dường Phật và Tăng. Nói tiếp vua Tịnh-phạn là vua Bạch-phạn, Học-phạn, Cam-lồ-phạn và trăm ngàn vạn ức đại chúng đều bước tới đánh lễ Phật rồi ngồi qua một bên. Những người còn lại khác hoặc đứng chấp tay hoặc ngưỡng vọng từ xa, lúc đó vua Tịnh-phạn dùng kệ hỏi Phật:

*“Phật xưa ở trong cung,
Đi đều có ngựa xe,
Sao nay dùng đôi chân,
Đi trong chốn chông gai”.*

Phật dùng kệ đáp:

*“Tôi dùng thân tức thông,
Tự tại đi trên không,
Đi khắp cùng đại địa,
Gai phiền não vô hại”.*

Vua lại hỏi:

*“Xưa y phục cao sang,
Dung sắc sáng nhiều vẻ,
Nay mặc áo thô xấu,
Làm sao nhẫn chịu được?”.*

Phật đáp:

*“Hổ thẹn là thượng phục,
Mặc vào rất đoan nghiêm,*

*Người thấy sanh yêu mến,
Tịch tĩnh nơi rừng già”.*

Vua lại hỏi:

*“Xưa ăn gạo lúa thơm,
Đựng mâm vàng thù thắng,
Nay xin cơm thô dở,
Làm sao no đủ được?”.*

Phật đáp:

*“Tôi dùng pháp vi diệu,
Vị cùng định tương ưng,
Diệt trừ tham ăn uống,
Thương chúng sanh nên thọ”.*

Vua lại hỏi:

*“Xưa lầu cao, điện ngọc,
Tùy thời tự an nhàn,
Nay ở trong rừng núi,
Tại sao không hoảng sợ?”.*

Phật đáp:

*“Tôi đã đoạn gốc sợ,
Phiền não đều dứt trừ,
Dù ở trong rừng sâu,
Cũng dứt hẳn lo sợ”.*

Vua lại hỏi:

*“Xưa ở trong Vương cung,
Dùng nước thơm tắm gội,
Nay ở trong rừng núi,
Nước gì Mâu Ni tắm?”.*

Phật đáp:

*“Ao pháp bến Phước đức,
Người thanh tịnh an vui,
Kẻ trí tắm ao này,
Trừ Cấu không ướt thân”.*

Vua lại hỏi:

*“Xưa ở trong Vương cung,
Bình vàng phun nước tắm,
Nay ở nơi sông hồ,
Lấy gì rưới lên thân?”.*

Phật đáp:

*“Tôi tắm nước Tịnh giới,
 Diệu pháp khí rưới thân,
 Người trí đều khâm khen,
 Rửa sạch Cấu thân tâm”.*

Thế Tôn dùng kệ đáp vua Tịnh-phạn rồi quán Giới tánh ý nhạo tỳ miên sai biệt của đại chúng để thuyết pháp xứng với căn cơ, khiến cho số người nghe pháp như vua Bạch-phạn, vua Học-phạn, vua Cam-lồ-phạn và trăm ngàn đại chúng đồng nghe pháp hoặc đắc quả Dự lưu, hoặc đắc quả Nhất lai, hoặc đắc quả Bất hoàn, hoặc có người xin xuất gia đoạn các phiền não chứng quả A-la-hán; hoặc có người phát tâm Bồ đề Độc giác, hoặc có người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Còn lại những người khác đều quy y Tam bảo trụ trong chánh tín, chỉ có vua Tịnh-phạn vì quá vui mừng nên chưa thể đắc Kiến đế. Sau đó vua Tịnh-phạn và đại chúng đảnh lễ Phật rồi cáo lui, trở về cung vua Tịnh-phạn chìm đắm trong ý nghĩ: “Chỉ có một mình con ta mới có oai đức này, không còn ai khác sánh kịp”. Thế Tôn biết trong tâm vua cha đang nghĩ gì, để hàng phục tánh kiêu mạn này của vua cha nên trời vừa sáng tỏ Thế Tôn liền bảo cụ thọ Mục-liên-liên: “Thầy nên quán tâm, thương xót phụ vương ta”. Mục-liên vâng lời Phật dạy liền chấp trì y bát đến chỗ vua Tịnh-phạn, vua vừa thấy Mục-liên liền xưng thiện lai. Mục-liên lúc đó liền như sở niệm nhập tam ma địa, nhập định rồi liền ẩn thân nơi tòa ngõi hiện trên hư không, trước tiên ở phương Đông nhập định Hỏa quang hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ trắng hồng; hoặc hiện biến thân thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa hay trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như thế. Sau đó thu hồi thân biến hiện trở lại chỗ ngõi, vua Tịnh-phạn liền hỏi Mục-liên: “Có phải các đệ tử của Thế Tôn đều có đại oai đức như tôn giả?”. Mục-liên dùng kệ đáp:

*“Thánh đệ tử Mâu Ni,
 Đều có đại oai đức,
 Ba Minh và sáu Thông,
 Không ai là không có”.*

Vua nghe rồi liền suy nghĩ: “Chẳng phải chỉ có một mình con ta là có đại oai đức, các Bí-sô đều có đại thần lực như vậy”. Nghĩ như vậy rồi tâm kiêu mạn trước đây liền dứt trừ, vua lại suy nghĩ: “Thế Tôn hiện nay chỉ có loài người cúng dường, không thấy có chư thiên “. Mục-liên biết ý nghĩ của vua liền tâu rằng: “Đại vương, tôi muốn trở về chỗ đức Thế Tôn “. Vua nói: “Tùy ý tôn giả”. Sau đó vua cũng đi đến chỗ Phật,

do biết được ý nghĩ của phụ vương nên lúc đó Phật biến hóa khu rừng Khuất Lộ Đà thành tô phủ chi ca. Khi vua Tịnh-phạn muốn vào từ cửa Đông gặp Phật, người giữ cửa liền bảo chớ vào, vua hỏi vì sao thì người giữ cửa bảo là Thế Tôn đang nói pháp cho chư thiên nghe. Vua hỏi người giữ cửa: “Hiền thủ là ai?”, người giữ cửa đáp: “Tôi là Trì Quốc thiên vương ở phương Đông”. Vua bèn đi đến cửa Nam, người giữ cửa cũng bảo chớ vào giống như trên, vua liền hỏi: “Hiền thủ là ai?”, người giữ cửa đáp: “Tôi là Tăng Trưởng thiên vương ở phương Nam”. Vua bèn đi đến cửa Tây, người giữ cửa cũng bảo chớ vào giống như trên, vua liền hỏi: “Hiền thủ là ai?”, người giữ cửa đáp: “Tôi là Xú-mục thiên vương ở phương Tây”. Vua bèn đi đến cửa Bắc, người giữ cửa cũng bảo chớ vào giống như trên, vua liền hỏi: “Hiền thủ là ai?”, người giữ cửa đáp: “Tôi là Đa-văn thiên vương ở phương Bắc”. Lúc đó Thế Tôn dùng thần lực gia bị cho vua Tịnh-phạn khiến từ ngoài cửa trông thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho chư thiên nghe. Thấy rồi vua liền suy nghĩ: “Thế Tôn hiện nay không phải chỉ có loài người cúng dường, ngay cả chư thiên cũng đến kính lễ”. Thế Tôn khiến vua dứt trừ tâm kiêu mạn rồi bèn thu hồi thần lực, lúc đó tôn giả Mục-liên liền đưa vua vào gặp Phật, Thế Tôn tùy theo ý nhạo tùy miên giới tánh sai biệt của vua và các chúng khác để thuyết pháp xứng với căn cơ khiến cho vua Tịnh-phạn chứng được quả Dự Lưu, chứng quả rồi vua liền bạch Phật: “Thế Tôn, nay tôi được chứng quả không phải do cao tổ, cũng không phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, vua, sa môn, Bà-la-môn, cũng chẳng phải do tôn thân mà được. Chính là do nương nơi Thế Tôn là bậc thiện tri thức nên mới được chứng quả này. Ở trong ba đường ác Nại-lạc-ca, bàng sanh và Ngạ quỷ Thế Tôn đã cứu tôi ra khỏi, đặt để tôi vào cõi người trời, dứt mé sanh tử ở đời vị lai, làm khô cạn biển lớn nước mắt và máu, vượt ra khỏi núi cao xương trắng từ vô thủy đến nay đã tích chứa, hang sâu thăm thân kiến cũng trừ bỏ nên tôi mới chứng được quả này. Thế Tôn, tôi đã ra khỏi dòng sanh tử, nay tôi xin quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, làm Ô-ba-sách-ca, xin Thế Tôn chứng tri, từ hôm nay cho đến trọn đời tôi không sát sanh cho đến không uống rượu, thọ trì năm học xứ”, nói rồi đảnh lễ Phật cáo lui. Sau đó vua Tịnh-phạn đến chỗ vua Bạch-phạn muốn trao vương vị, vua Bạch-phạn hỏi: “Có ý gì?”, vua Tịnh-phạn nói: “Tôi nay đã Kiến đế không muốn làm vua”, vua Bạch-phạn hỏi vào lúc nào, vua Tịnh-phạn đáp là vào ngày hôm nay, vua Bạch-phạn nghe rồi nói: “Ngay ngày Thế Tôn mới đến, vừa nghe pháp tôi đã Kiến đế rồi”. Vua Tịnh-phạn liền đến chỗ vua Hộc-phạn, rồi đến chỗ vua Cam-lô-phạn

muốn trao vương vị thì các vua đều nói là đã Kiến đế. Vua Tịnh-phạn nghe rồi nói: “Như thế này thì tôi làm lễ quán đảnh cho ai để trao vương vị”. Các vua đều nói nên trao vương vị cho Hiền-thiện thuộc dòng họ Thích Ca, vua Tịnh-phạn nghe rồi liền làm lễ quán đảnh trao vương vị cho Hiền Thiện.

Thế Tôn và Tăng chúng hằng ngày vào cung vua thọ cúng dường, lúc đó vua Tịnh-phạn suy nghĩ: “Đệ tử của Phật có hàng ngàn người đều từ ngoại đạo đến, tâm tuy đoan nghiêm nhưng thân chưa được uy nghiêm vì do ngày trước tu khổ hạnh nên hình dung tiêu tụy. Làm thế nào khiến cho môn đồ của Thế Tôn có được dung mạo Khả-ái, vừa nhìn phước tướng tâm thiện liền sanh, ta nên bảo trong dòng họ Thích ca xuất gia theo Thế Tôn”. Nghĩ rồi vua liền tập họp Thích chủng hỏi: “Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành nếu không xuất gia thì sẽ làm gì?”, đáp: “Sẽ làm vua Chuyển luân”, vua lại hỏi: “Lúc đó các vị sẽ làm gì?”, đáp: “Chúng tôi xưng thần và làm tùy tùng”, vua lại hỏi: “Nay Thái-tử chứng được pháp Cam lồ, cũng khiến cho các hữu tình đồng được nếm mùi vị ấy, sao các vị không tùy tùng?”, mọi người nghe rồi đều đáp: “Chúng tôi muốn được xuất gia”, vua nói: “Hãy theo sở nguyện của các vị”, các Thích chủng lại hỏi: “Toàn gia đều đi hay mỗi gia đình chỉ đi một người?”, Vua nói: “Mỗi gia đình một người”. Nói rồi vua Tịnh-phạn liền cho đánh kiền chùy phổ cáo trong Thích chủng là mỗi nhà một người xuất gia theo Phật, cho nên trong dòng họ Thích có đến năm trăm Thích tử đồng loạt xuất gia. Như Thế Tôn nói bỏ quý tộc xuất gia được nhiều lợi dưỡng, cho nên năm trăm thích tử Bí-sô đều được rất nhiều lợi dưỡng.

